

Bản án số: 50/2020/DS-PT

Ngày: 04-5-2020

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản là
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Lê Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về: “*Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 480/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Ngọc S; cư trú tại: Thôn Đ2, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Định. Có mặt.

*** Bị đơn:**

1. Ông Võ Văn C;

2. Ông Nguyễn Anh Đ;

3. Anh Nguyễn Xuân C1

Cùng cư trú tại: Thôn Đ1, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Định. Điều vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Cảnh: Ông Võ Văn C (Văn bản ủy quyền ngày 24/10/2018). Vắng mặt.

4. Ông Võ Minh Q. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Q: Bà Đỗ Thị P (văn bản ủy quyền ngày 22.11.2018). Vắng mặt.

5. Anh Võ Duy L. Vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn Đ2, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Định.

6. Anh Võ Hồng P1

Cư trú tại: Thôn Đ1, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Vợ chồng ông Nguyễn Văn D bà Nguyễn Thị A; cư trú tại Thôn Đ2, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Định. Đều vắng mặt.

2. Ông Võ Xuân C2, sinh năm 1950.

Bà Ngô Thị L1, sinh năm 1954 (vợ ông C2)

HKTT: Thôn Đ1, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Định.

Hiện đang định cư tại bang Virginia, Hoa Kỳ. Đều vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Ông Trần Ngọc S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Ngọc S trình bày:

Ngày 21.12.1994, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H1 có Quyết định số 1585/QĐ-UB về việc giao đất để trồng rừng theo dự án PAM 4304 cho ông với diện tích 1,1 ha tại lô số 04 BĐ+K thuộc thôn Đ2, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Định. Từ khi được giao đất đến nay, ông là người trực tiếp quản lý sử dụng vào việc trồng rừng theo đúng mục đích được giao. Tháng 8.2015, lợi dụng việc mở đường nông thôn nên các ông Võ Văn C, ông Võ Minh Q, ông Nguyễn Anh Đ, ông Nguyễn Xuân C1, anh Võ Hồng P1 (con ông Võ Xuân C2 bà Ngô Thị L1) và anh Võ Duy L đã lấn chiếm đất của ông, cụ thể như sau:

- Ông Võ Văn C lấn chiếm khoảng 55m²
- Ông Võ Minh Q lấn chiếm khoảng 60m²
- Ông Nguyễn Anh Đ lấn chiếm khoảng 50m²
- Anh Nguyễn Xuân C1 (con rể ông Võ Văn C) trồng cây trên phần đất mà ông C đang lấn chiếm của ông khoảng 55m²
- Anh Võ Duy L lấn chiếm khoảng 40m²

Riêng anh Võ Hồng P1 lấn chiếm đất của ông làm đường, không cho ông đi với diện tích khoảng 60m².

Vì vậy, ông yêu cầu các ông Nguyễn Anh Đ, anh Nguyễn Xuân C1, ông Võ Văn C, anh Võ Hồng P1, ông Võ Minh Q, anh Võ Duy L phải trả lại cho ông diện tích đất đã lấn chiếm.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn C trình bày:

Năm 1980, ông khai hoang một khoảnh đất để làm rẫy trồng mì (sắn) và canh tác đến năm 1991, UBND xã H yêu cầu ông trả lại đất để làm đường đi xóm. Tháng 8/1991, ông thuê xe ủi san lấp mặt bằng làm sân phơi lúa và làm trại kho chứa lúa. Năm 2012, UBND xã mở rộng làm đường bê tông, phần diện tích đất còn lại khoảng 70m² ông cho con rể là anh Nguyễn Xuân C1 trồng keo. Phần diện tích nói trên ông khai hoang và sử dụng từ năm 1980 cho đến nay, không ai tranh chấp và không nằm trong diện tích đất rừng mà ông S được giao nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông S đòi ông trả lại diện tích đất trên.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Anh D trình bày:

Ngày 30.6.2003, hộ gia đình ông được UBND huyện H1 giao 32.200m² đất tục danh Gò Thanh Minh thuộc lô 1a, khoảnh 4, tiểu khu 96, thuộc loại đất đồi núi theo Quyết định số 907/QĐ-UB, có giới cận:

- + Đông giáp ranh giới xã H2;
- + Tây giáp đất khu dân cư;
- + Nam giáp rừng PAM;
- + Bắc giáp đất trống.

Từ khi được giao đất, hộ gia đình ông trồng keo trên đất, sử dụng đất ổn định, không ai tranh chấp. Giữa phần đất của ông và phần đất của ông S cách nhau bởi một khe đất, ông S trồng bạch đàn và hiện gốc bạch đàn vẫn còn, phần đất của ông từ trước đến nay chỉ trồng keo. Gia đình ông không lấn chiếm đất của ông S nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông S.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Xuân C1 trình bày:

Anh thông nhất như trình bày của bị đơn ông Võ Văn C, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc S.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Minh Q trình bày:

Ông đã sử dụng đất trồng rừng trên 20 năm, đã khai thác cây 03 lần và không xâm phạm đến phần đất trồng rừng của ông Trần Ngọc S. Nay ông S cho rằng ông lấn đất và yêu cầu ông phải trả lại đất, ông không đồng ý. Ranh giới đất giữa ông và ông S đã có từ lâu và được phân định rõ ràng.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vợ chồng ông Võ Văn Chánh bà Ngô Thị L1 và anh Võ Hồng P1 (con ông C2 bà L1) trình bày:

Ngày 25.5.1999 vợ chồng ông bà có mua lại lò gạch của ông Võ Văn L2. Lò gạch nằm tại địa điểm Hóc Hậu thuộc thôn Đ1, xã H. Phía sau lò gạch giáp với đất rừng của ông Trần Ngọc S, có vực đất cao chia cắt. Khoảng tháng 8.2015, ông S khai thác rừng rồi tự ý mở đường đi trên đất lò gạch thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông bà (đường mà ông S tự ý mở nằm bên hông lò gạch giáp với phía Tây lò gạch). Khi khai thác xong, ông S tự ý đem cây bạch đàn, keo xuống đường đi mà ông S tự ý mở để trồng. Ông bà hiện đang định cư ở Mỹ nên giao cho con là anh Võ Hồng P1 trông coi lò gạch. Khi phát hiện sự việc, anh Phi đã yêu cầu ông S dừng ngay việc trồng cây trên đất lò gạch nhưng ông S cho rằng đó là đất của ông nên vẫn tiếp tục trồng. Nay ông S khởi kiện cho rằng anh Phi không cho ông S đi trên con đường nằm trong phần diện tích đất ông S được Nhà nước cấp quyền sử dụng là không đúng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ Điều 166, Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc S đòi ông Võ Văn C, anh Nguyễn Xuân C1; ông Nguyễn Anh Đ; ông Võ Minh Q; anh Võ Hồng P1; anh Võ Duy L phải trả lại cho ông quyền sử dụng đất rừng thuộc lô a4, khoảnh 01, tiểu khu Đ2, xã H, huyện H1 tỉnh Bình Định (tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 2).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01/7/2019, ông Trần Ngọc S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm buộc các bị đơn trả lại phần diện tích đất lấn chiếm cho ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Ngọc S; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2016 của ông Trần Ngọc S xác định người bị kiện gồm các ông Võ Văn C, Nguyễn Xuân C1, Nguyễn Anh Đ, Võ Minh Q, Võ Hồng P1 và Võ Duy L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng ông Võ Xuân C2, bà Ngô Thị L1 (cha mẹ ông Võ Hồng P1) là bị đơn trong vụ án là không đúng; ông C2, bà L1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới chính xác. Tuy nhiên sai sót này không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của các bên đương sự nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, nên cấp phúc thẩm cần xác định lại tư cách tham gia tố tụng cho đúng quy định.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, ông Trần Ngọc S, nhận thấy:

Thực hiện Dự án PAM-4304 (chương trình phủ xanh đồi núi trọc), tháng 01/1994, ông Trần Ngọc S có đơn xin giao đất để trồng rừng. Theo Quyết định số 1585/QĐ-UB ngày 21/12/1994 của UBND huyện H1, về việc giao đất trồng rừng, thì ông S được giao diện tích 1,1ha thuộc lô a4, khoảnh 1, tiểu khu Bình Định; theo đo đạc thực tế thì diện tích đất ông S hiện sử dụng là 9.973,6m², thiếu 1.026,4m². Từ khi giao đất năm 1994 đến nay ông S là người trực tiếp quản lý, sử dụng trồng cây bạch đàn, cũng đã tiến hành khai thác nhiều lần.

[2.1] Theo các tài liệu thu thập tại các cơ quan quản lý Nhà nước địa phương thể hiện: Tại biên bản hòa giải ngày 02/02/2016 của UBND xã H (BL 05-06) đã kết luận “UBND xã đã kiểm tra hiện trường việc ông S khiếu nại các đương sự lấn chiếm đất của ông là không đúng vì ranh giới các hộ sử dụng ổn định từ trước tới lúc ông khiếu nại”. Mặt khác, tại Công văn số 1159/UBND-TNMT ngày 28/9/2018 (BL.157) của UBND huyện H1 xác định: “Diện tích đất ông Trần Ngọc S được giao là 1,1ha. Tuy nhiên hiện trạng sử dụng đất của ông S không phải là đường thẳng, mà lồi lõm. Ông S quản lý, sử dụng đất không đúng với hồ sơ giao đất. Do đó hiện trạng ông S sử dụng đến đâu (thể hiện là các gốc bạch đàn, keo do ông S trồng, đã có khai thác) thì công nhận quyền sử dụng đất cho ông S đến đó”. Đồng thời theo Công văn số 189/UBND-TNMT ngày 28/02/2019 (BL.193) của UBND huyện H1 cũng xác định: “Việc đo đạc, giao đất trồng rừng cho ông Trần Ngọc S...được thực hiện bằng phương pháp thủ công, sử dụng la bàn cầm tay và thước dây. Việc can, vẽ sơ đồ thửa đất bằng lưới ô li trên nền bản đồ 364 có tỷ lệ 1/25.000, hệ tọa độ UTM, nên có sự sai số do đo đạc. Hiện nay, diện tích đất thực tế của ông Trần Ngọc S sử dụng được đo đạc lại bằng máy định vị GPS, sử dụng hệ tọa độ VN-2000. Việc chuyển đổi 02 hệ tọa độ...nên có xảy ra sai số”.

[2.2] Theo tài liệu thu thập có tại hồ sơ vụ án thể hiện nguồn gốc sử dụng đất của các hộ có tranh chấp thấy rằng; các hộ ông Võ Văn C, Võ Minh Q, Võ Duy L và Võ Xuân Cảnh là đất khai hoang và sử dụng liên tục trên 20 năm; Vợ chồng ông Võ Xuân C2, bà Ngô Thị L1 và con Võ Hồng P1 sử dụng là mua lại

lò gạch của ông Võ Văn L2 vào năm 1999, còn đất là của Nhà nước quản lý; còn hộ ông Nguyễn Anh Đ sử dụng có nguồn gốc do Nhà nước giao đất trồng rừng. Quá trình sử dụng đất giữa các bên đương sự trong vụ án đều có ranh giới là gốc cây bạch đàn do ông S trồng, đã khai thác nhiều lần; Quá trình sử dụng từ trước đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có thay đổi. Ông Trần Ngọc S cho rằng các bị đơn lấn chiếm đất của ông nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh.

Như vậy, từ phân tích, nhận định tại mục [2.1] và [2.2] nêu trên, thấy rằng diện tích đất mà ông Trần Ngọc S sử dụng thực tế đo đạc thiếu so với diện tích ghi trong Quyết định số 1585/QĐ-UB ngày 21/12/1994 của UBND huyện H1, về việc giao đất trồng rừng cho ông S là do phương pháp và quá trình đo đạc, chứ không có chứng cứ cho rằng các bị đơn trong vụ án lấn chiếm. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Ngọc S; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phần nội dung.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Trần Ngọc S chỉ phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do đó cần sửa án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm cho đúng quy định pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa về phần án phí sơ thẩm nên ông Trần Ngọc S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Bác kháng cáo của ông Trần Ngọc S; giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung khởi kiện; sửa án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 163, 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc S đòi các ông Võ Văn C, Nguyễn Xuân C1, Nguyễn Anh Đ, Võ Minh Q, Võ Hồng P1 và Võ Duy L phải trả lại diện tích đất lấn chiếm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ngọc S phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 01788 ngày 18/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H1.

3. Chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần Ngọc S phải chịu 12.000.000 đồng (ông S đã nộp đủ).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Ngọc S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí cho ông Trần Ngọc S tại

biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003680 ngày 22/7/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tào